TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ GIA MẬP** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Tấn Lãm
2. Bà Nguyễn Thị Mùa
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà:* Ông Mai Phi Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị N, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

* *Bị đơn*: Ông Vũ Trung V, sinh năm 1981 (Vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Vũ Trung V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống dẫn đến hay cãi nhau, ông

Việt có hành vi đánh đập tôi, vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2021 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông V.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi với ông Việt có 02 người con chung là cháu Vũ Thị Như Ng, sinh ngày 17/11/2005, cháu Vũ Ngọc S, sinh ngày 09/11/2011. Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu Vũ Ngọc S còn giao cháu Vũ Thị Như Ng cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

** Bị đơn ông Vũ Trung V:*

Trong quá trình thụ lý, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án, ông Việt đều vắng mặt và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

* Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập như sau:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Về thụ lý, phân công thẩm phán; xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; thủ tục công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 68, 93, 97, 195, 196, 197, 205, 208, 209 của BLTTDS.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Thực hiện đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Căn cứ các Điều 28, 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 38, 51, 56, 58, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho bà N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông V

Giao cháu Vũ Ngọc S, sinh ngày 09/11/2011 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Vũ Thị Như Ng, sinh ngày 17/11/2005 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Xét thấy, đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về "Ly hôn", do nguyên đơn bà Trần Thị Nam thực hiện quyền khởi kiện; bị đơn ông Vũ Trung V có địa chỉ tại thôn L, xã O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Chị N là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Bị đơn ông Vũ Trung V đã được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp,tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Việt.

Bị đơn không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng là vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ mà đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà N, ông V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 không đăng ký kết hôn, như vậy qua hệ hôn nhân của bà N, ông V là không hợp pháp, vi phạm luật hôn nhân và gia đình, vì vậy cần không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N, ông V

3.2. Về con chung: Bà N có yêu cầu được nuôi con chung là cháu Vũ Ngọc S và yêu cầu giao cháu Vũ Thị Như Ng, sinh ngày 17/11/2005 cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cũng phải nhằm đảm bảo cho con sự phát triển tốt nhất cả về thể chất và tinh thần. Tuy nhiên, hiện nay cháu Vũ Ngọc S đang còn nhỏ và đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần giao cháu S cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu Vũ Thị Như Ng trong quá trình giải quyết vụ án cháu Ng chưa đủ 18 tuổi, tuy nhiên đến ngày Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập mở phiên tòa xét xử cháu Ng đã đủ tuổi trưởng thành trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3.3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH*;*

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 56; các điều 14; 15; 16; 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhân quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị N và ông Vũ Trung V.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Ngọc S, sinh ngày 09/11/2011 cho bà Trần Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với cháu Vũ Thị Như Ng, sinh ngày 17/11/2005 đã trưởng thành trên 18 tuổi nên không xem xét.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết do các đương sự không có yêu cầu

1.5. Về án phí:

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng, bà N phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp 300.000đ *(Ba*

trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006276 ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *VKSND huyện Bù Gia Mập;*
- *Chi cục THA huyện Bù Gia Mập;*
- *UBND xã O;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tuyết